

Số: 88/2026/QĐST-HNGĐ

Cà Mau, ngày 17 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé H; Sinh ngày: 16/07/1986; Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số: 096186013900

Bị đơn: Anh Trần Văn T; Sinh ngày: 01/01/1986; Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số: 096086012560

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T thống nhất xác định có 03 người con chung tên Trần Quốc H1, sinh ngày 17/8/2011; Trần Quang N, sinh ngày 14/7/2018 và Trần Quang H2, sinh ngày 23/12/2021. Chị H và anh T thống nhất giao 03 người con chung tên Trần Quốc H1, sinh ngày 17/8/2011; Trần Quang N, sinh ngày 14/7/2018 và Trần Quang H2, sinh ngày 23/12/2021 cho chị Phạm Thị Bé H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom chăm sóc con để gây cản trở cho việc chăm sóc, giáo dục con chung của chị H.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T thống nhất xác định vợ chồng anh chị không nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bé H và anh Trần Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng, chị H đồng ý nộp thay án phí hôn nhân gia đình cho anh T. Tổng số tiền án phí chị H phải chịu là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000528 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Sau khi đối trừ chị Phạm Thị Bé H được nhận lại 150.000 đồng. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- VKS nhân dân Khu vực 4- Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Cái Nước;
- Phòng THADS Khu vực 4- Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Ngân